

Đồ i vồ i nhồ ng ai có lòng tha-thiồ t vồ i văn-hố hóa dân-tồ c, thì cuồ n tồ -vồ Viồ t-La-tinh do giám-mồ c Taberd biên soồ n và cho in bên ổ n-đồ năm 1838, thồ c là mồ t tài-liồ u không thồ bồ qua, vì nó đánh đồ u mồ t chồ ng đồ ng quan-trồ ng trong ổ ch-sồ hình-thành cồ a nồ n quồ c-hồ c Viồ t-Nam. Quan-trồ ng là vì đây là ổ n đồ u tiên chồ quồ c-ngố đồ c đồ i chiồ u vồ i chồ nô m trong mồ t cuồ n tồ -vồ đồ c in ra. Các tồ -vồ chồ nô m đồ c biên soồ n và ổ n-hành sau này đồ u ổ y ổ i cái sáng-kiồ n đó mồ t nhồ là mồ t viồ c rồ t tồ -nhiên.

Có ổ đôi khi, vì nhiồ u lý-do, ngồ ổ i ta ngồ n-ngồ i không muồ n nhìn nhồ n tác-phồ m đó là mồ t tài-liồ u có tồ m-cồ quan-trồ ng. Mồ t lý-do chính, có ổ là vì ổ nó do mồ t ngồ ổ i ngoồ i-quồ c biên-soồ n, cho in ổ ngoồ i-quồ c, và hồ n nồ a ổ i viồ t bồ ng tiồ ng La-tinh. Cũng đồ hiồ u: vào thồ i buồ i này, muồ n hồ c đồ c khoa-hồ c và kồ -thuồ t, muồ n hiồ u đồ c chính-trồ và kinh-tồ trong thồ -giồ i, thì cồ n phồ i am tồ ng sinh-ngồ . Cho nên ổ Viồ t-Nam chúng ta không thiồ u các thồ tồ -vồ Anh, Pháp, Tàu, Nhồ t, v.v... Chồ ngoài mồ t thiồ u sồ ngồ ổ i công-giáo, vì lý-do tôn-giáo, thì hồ i có ai nghĩ đồ n viồ c hồ c mồ t cồ -ngồ nhồ tiồ ng la-tinh, không có liên quan gì đồ n văn-hồ c Viồ t-Nam? Mồ t lý-do khác nồ a có ổ là lòng tồ -ái.

Nhồ ng trái ổ i, cũng chính vì lòng tồ -ái dân-tồ c, mà tôi trồ m nghĩ tồ -vồ Taberd là mồ t công-trình quan trồ ng, đáng đồ c chú-y. Thồ c vồ y, ngồ ổ i Viồ t ta ý-thồ c rồ ng mình có mồ t nồ n văn-hố riề ng, nhiồ u khi còn bồ o-đồ n tuyên-bồ mình có bồ n nghìn năm văn-hiồ n, nghĩa là không thua gì ngồ ổ i Tàu. Nhồ ng cái ý-thồ c đó dù sao cũng còn là chồ -quan: chồ c gì là ngồ ổ i Tàu đã chồ u nhồ n nhồ thồ ? Ta biồ t hồ tồ xồ a vồ n đã có ý-đồ nh đồ ng-hố hóa, làm cho ngồ ổ i Viồ t thành ra ngồ ổ i Tàu. Ổ n cuồ i cùng khi hồ đồ -hồ nồ c ta, vào thồ i nhà Hồ , thì quan ổ i nhà Minh đã tìm cách thu ổ y cho hồ t các sách vồ cồ a ngồ ổ i Viồ t, kồ cồ sách viồ t bồ ng chồ Hán. Kho tàng văn-hố hóa cồ a ta cũng vì thồ mà mồ t-mát đi khá nhiồ u. Đàng này khác: các giáo-sồ Tây-phồ ổ ng sang truyồ n-giáo đã công-nhồ n và tôn-trồ ng văn-hố riề ng cồ a ta. Nhồ thồ thiồ t-tồ ng không phồ i là vì ta cũng dùng chồ Hán, cũng có tam-giáo nhồ ngồ ổ i Tàu, nhồ ng chồ c-chồ n là vì ta có tiồ ng nói riề ng và chồ viồ t riề ng, tồ c là chồ nô m. Tôi dám chồ c rồ ng nồ u trên đồ t Viồ t-Nam xồ a kia không có chồ nô m, mà chồ có chồ Hán, thì dĩ-nhiên là ngồ ổ i Tây-phồ ổ ng hồ n đã cho rồ ng ngồ ổ i Viồ t cũng chồ ng khác gì ngồ ổ i Tàu. Chính vì chồ a hiồ u rõ nhồ thồ cho nên khi đồ c giáo-tồ ng Alexandre VII gồ i tông-huồ n cho các giám-mồ c ổ Đàng Ngoài và Đàng Trong thì đã đồ cho nó cái tên nghe thồ t ổ tai: Tông-huồ n chồ đồ o cho các vồ đồ i-diồ n giáo-tồ ng-tồ a đàng lên đồ ng sang các quồ c-gia cồ a ngồ ổ i Tàu ổ Đàng Ngoài và Đàng Trong (1659)!

Trồ c hồ t, ngay tồ thồ -kồ XVII, các giáo-sồ Tây-phồ ổ ng sang Viồ t-Nam truyồ n giáo, đã ra công quan-sát phong-tồ c tồ p-quán, đồ ng thồ i hồ c tiồ ng nói và chồ viồ t cồ a ta, đồ đồ bồ chia-sồ niồ m

tin c a h v i ng i mình. H r t có thi n-c m v i ng i Vi t, và đã vi t ra nhi u i ca-t ng văn-hóa và ngôn-ng c a chúng ta. Ngay trong đ u th -k XVII, giáo-sĩ Girolamo Maiorica là ng i Ý (Italia) đã so n ra hàng ch c cu n sách đ o b ng ch nôm. Sau đó giáo-sĩ Alexandre de Rhodes (Đ c- L ) quê Avignon (nay thu c v n c Pháp) đã cho in t i Roma năm 1651 sách giáo-lý b ng ch quư c-ng Vi t-Nam và ti ng La-tinh, sách v ng -h c Vi t-Nam b ng ti ng La-tinh và t -vi Vi t-B -đào-nha-La-tinh. Nh ng ng i đã x ng-xu t ra các công-trình y v n là nh ng ng i có h c-th c, có đ u óc c i m , và đã ra công h c h i đ c nhi u, nh ng ta không nên quên r ng các v y đã h c v i ng i Vi t mình. Nh ng ng i Vi t này th ng là nh ng th y gi ng đi theo c ng-tác trong vi c truy n-giáo. H cũng là nh ng ng i bi t ch thánh-hi n, bi t s -đ ng ch nôm, và hi u bi t phong-t c t p-quán n c ta. Cho nên tuy r ng trong các công-trình y không nh c đ n tên tu i c a h , nh ng ta cũng ch c đ c r ng nh ng ng i công-giáo Vi t-Nam y đã đóng góp vào đó, n u không ph i là v ph ng pháp thì cũng là v ph n tài li u, m t ph n không ph i là nh . Cho nên khi làm nh ng công-vi c đó v i ng i ngo i qu c, h i càng ý-th c đ c cái gì thu c v văn-hóa n c nhà.

Còn v vi c vi t b ng ti ng La-tinh, thì ta cũng nên bi t r ng vào m i th -k tr c đây, ti ng La-tinh là ngôn-ng dùng trong giáo-h i công-giáo, đ ng th i cũng là ngôn ng c a gi i h c-gi Âu-châu (cũng nh ch Hán trong mi n đông châu Á), Xin đ n-c m t ví-d : Các tri t-gia nh Hegel, Feuerbach đ u vi t lu n-văn ti n-sĩ tri t-h c b ng ti ng La-tinh, còn Karl Marx thì tuy vi t lu n-văn b ng ti ng Đ c nh ng đã tham kh o sách v b ng ti ng La-tinh và ti ng Hi-l p. Các giáo-sĩ, cũng nh các h c-gi th i đó, ngoài ti ng nói n c mình còn bi t ti ng La-tinh n a. Cho nên khi vi t sách và t -v b ng ti ng La-tinh, không ph i ch là đ cho ng i công-giáo, mà còn là đ cho gi i h c-gi Âu-châu h c bi t ngôn-ng và văn-hóa Vi t-Nam n a. Có m t đ u mà có l ch a ai đ ý, là nh ng ng i nh Alexandre de Rhodes, Pierre Pigneaux de Béhaine (Bá-Đa-L c) hay Jean-Louis Taberd, là nh ng ng i nói ti ng Pháp, đ u đã so n t -v Vi t-La-tinh, ch không so n t -v Vi t-Pháp. Lý-do th t là đ n-gi n: h là ng i đi gi ng đ o Thiên-Chúa, đi chia-s ni m tin công-giáo, ch không ph i là ng i đi truy n-bá văn-hóa, chính-tr và h c-thu t n c Pháp. V sau này, khi ng i Pháp can-thi p vào Vi t-Nam và đ t n n th ng-tr c a h trên đ t n c ta, thì lúc đó m i th y xu t-hi n nhi u t -v Vi t-Pháp và Pháp-Vi t.

N u ta b h n ph n ti ng La-tinh ra, thì t -v Taberd cũng v n còn là quan tr ng, vì l trong t -v v a dùng ch quư c-ng , v a dùng ch nôm. Ch quư c-ng thì ghi đ c m t cách khá chính xác cách phát-âm, còn ch nôm thì tuy không ghi đ c cách phát âm, nh ng cũng là k t tinh c a m y th k ông cha chúng ta c g ng đ t -l p v văn-hóa đ i v i ng i Hán-t c. Nh v a nói trên đây, các t -v ch nôm ngày nay c a ta cũng dùng hai th ch vi t nh th .

Chính vì ph n d n-nh p và ph n ch -đ n trong T -v , so n-gi đã vi t t i h n b n m i trang l n b ng ti ng La-tinh, là m t c -ng mà ngày nay c bên Âu-châu cũng ít ng i đ c đ c, cho nên thi t-t ng cũng c n ph i gi i-thích tóm t t n i-dung c a các ph n đó.

Sau đây xin có mữ y lữ i vữ :

1- Thân thữ và sữ -ngữ p cữ a soữ n-gữ .

2- Nữ i-dung củ n tữ -vữ .

3- Tữ -vữ và nữ n quữ c-hữ c.

4- Vữ n-đữ quữ c-ngữ .

**1- Thân-thữ và sữ -ngữ p cữ a soữ n-gữ .**

Jean-Baptiste Louis TABERD (tên Viữ t là Tữ ) sinh tữ i Saint-Étienne, quữ n Loire (Pháp) ngày 18-6-1794, gia-nhữ p Hữ i Truyữ n-Giáo Nữ c Ngoà i, trữ -sữ tữ i Paris (Société des Missions Étrangères de Paris), thữ phong linh-mữ c ngày 27-7-1817. Ngày 7-11-1820, rữ i Pháp, trên tàu Maison Saget, sang Viữ t-Nam truyữ n giáo. Vào nhữ ng năm 1825, 1827, theo lữ nh vua Minh-Mữ ng, các giáo-sữ ngữ i Pháp bữ đữ a vữ Dinh Cung-Quán ở Huữ quữ n-thúc, trong sữ này có linh-mữ c Taberd; nhữ ng nhữ tữ ng-trữ n Lê Văn Duyữ t can-thữ p, nên linh-mữ c đữ c tữ -do lui vữ Saigon. Ngày 30-5-1830, tữ i Bangkok linh-mữ c Taberd đữ c tữ n-phong làm giám-mữ c, vữ i hiữ u tòa Isauropolis, và đữ c lãnh trách-nhữ m coi sóc đữ a-phữ n Đàng Trong, nhữ ng vì hoàn-cữ nh khó-khữ n nên chữ i miữ n nam chữ không ra ngoà i Huữ đữ c.

Giám-mữ c Taberd đàng ở Thữ -Nghè, thì lữ i bữ vua Minh-Mữ ng ra đữ ngày 6-1-1833, triữ u vữ Huữ trình diữ n, nên cùng vữ i ba giáo-sữ Pháp và mữ i lữ m chữ ng-sinh ở Lái-Thiêu trữ n ra khữ i Thữ -Nghè, qua ngữ Châu-Đữ c, Hà-Tiên, Campuchia, tữ i Chanthaburi ngày 21-3, rữ i tữ i Bangkok sau hữ n mữ t tháng trữ i. Hành trình hữ t sữ c mữ t nhữ c.

Tĩi Bangkok nhà vua nĩĩ c Xiêm (Thái-lan) muĩ n lĩi-dĩng và lĩi-cuĩ n giám-mĩ c vĩ phía nĩĩ c Xiêm đĩ chĩng lĩi Viĩ t-Nam, nhĩng bĩ tĩ chĩi. Đĩ khĩi vĩĩng mĩ c vĩ chính-trĩ, mùa hè năm 1834, giám-mĩ c trĩn xuĩng Penang, Singapore, rĩi sang xĩ Bengale bên ĩn-đĩ. Nhĩn thĩy khĩng thĩ trĩ lĩi Viĩ t-Nam đĩĩ c, nên giám-mĩ c Taberd đĩ xin Tòa Thánh bĩ-nhiĩ m phó giám-mĩ c ĩ Đàng Trong, đĩ làm vĩ c thay cho mình. Vĩ thĩ năm 1835, linh-mĩ c Étienne Théodore Cuénot (tên Viĩ t là Thĩ) đĩĩ c cĩ vào chĩ c-vĩ này. Năm 1838 giám-mĩ c Taberd xin tĩ chĩ c giám-mĩ c Đàng Trong, và đĩĩ c cĩ làm giám-mĩ c ĩ xĩ Bengale. Cũng năm ĩy ngài cho xuĩ t-bĩ n tĩi nhà in J. C. Marshman ĩ Serampore cuĩ n Nam Viĩ t Dĩĩng Hiĩ p Tĩ Vĩ - Dictionarium Anamitico-Latinum. Ngài mĩ t tĩi Calcutta ngày 31-7-1840.

Cuĩ n tĩ -vĩ này đĩĩ c hoàn-thành, ít nhĩ t đĩ có sĩ cĩng tác cĩ a chĩng-sinh Philiphe Phan Văn Minh, vĩ khi ông này còn đĩng hĩ c tĩi đĩi chĩng-vĩ n Penang, đĩ đĩĩ c giám-mĩ c Taberd mĩi sang Calcutta đĩ cĩng-tác vào vĩ c biên-soĩ n. Sau này Phan Văn Minh đĩ đĩĩ c thĩ-phong linh-mĩ c. Thĩ c ra các soĩ n-gĩĩ đĩ dùng làm căn-bĩ n bĩ-sung khá rĩng cuĩ n tĩ -vĩ chép tay Dictionarium anamitico-Latinum cĩ a giám-mĩ c Pigneaux de Béhaine (Bá Đa Lĩ c) đĩ soĩ n vào nhĩng năm 1772-1773, nhĩng chĩ a soĩ n xong hĩ n.

Ngoài cuĩ n tĩ -vĩ nĩi tiĩng đĩ, giám-mĩ c Taberd còn cho xuĩ t-bĩ n:

- Tabula geographica imperii annamitici, Bengale, 1838.

- Documenta rectae rationis, Pondichéry, 1838 (Sách này dùng vào vĩ c huĩn-luyĩ n các chĩng-sinh Viĩ t-Nam và Trung-hĩa. Sách đĩĩ c tái-bĩ n lĩn thĩ ba tĩi Hĩĩng-cĩng năm 1914).

- Giáo-lĩ Đàng Trong, 1838. (Theo soĩ n-gĩĩ Trĩĩng Bá Cĩ n đĩn chiĩ u cuĩ n Bibliotheca Missionum. Xin coi : Công giáo Đàng Trong thĩi giám-mĩ c Pigneau, Tĩ sách Đĩi Kĩ t, 1992, trang 40).

**2- Nội-dung cuốn t -v .**

21- Phần d n-nh p và ch -d n.

Đáng chú ý là phần d n-nh p và ch -d n, vì nó cho ta biết thêm về nguồn gốc cuốn t -v , lý do cho ta thấy số n-gi đã có hiểu biết về văn-học Việt-Nam, đáng thú vị cũng muốn thông hiểu cái biết về cho người khác. Trong phần này sẽ trang để ghi theo kiểu viết số Rô-ma. Trong số 46 trang thì trừ 8 trang viết bằng chữ qu c-ng ra, các trang khác đều viết bằng tiếng La-tinh .

Ngay trong phần d n-nh p (tr. I-II), số n-gi cho biết cuốn t -v đã được khai-công do giám-m của Bá-Đa-L, tức Pierre Pigneaux de Béhaine, là người thuộc Dòng Tên. Ta biết về này còn thuộc về chữ Hán nữa, và còn số n m t cuốn t -v Hán-Việt-La-tinh, hơn 900 trang, được tàng-trữ trong văn-kh H i Truy n-giáo Ngoại t i Paris, và cũng mới do họ này mới in ra vào cuối năm 2001[1], và cuốn Thánh Giáo Y u Lý Qu c Ng (b n ch nôm có bài t a bằng chữ Hán, đã được in t i Quảng-đông [2] năm 1774, b n ch qu c ng m u-t La-tinh thì còn trong văn-kh nói trên). Qua bao nhiêu cuộc binh-đạo, sau về nhà truyền giáo đảo-tro ch ng sinh Việt-Nam ở Cà-mau bị đốt cháy năm 1778, b n chép tay đã được cứu thoát và đem sang Bengale rồi được tu-b và n-hành.

Mục-đích của người làm t -v này là để giúp cho những người muốn học tiếng Việt, như các nhà truyền-giáo ở Việt-Nam, các thực-ng-gia, các khách du-lịch, các học-sinh Việt-Nam và các học-gi muốn tìm hiểu về văn-chợng Việt-Nam.

Nhìn xét thấy biết của số n-gi là ngôn ngữ nước ta do ngôn-ngữ Trung-hoa mà ra. Lý do là vì cách viết rất giống chữ Hán: m t phần thì lấy lấy đúng chữ Hán, m t phần thì lấy từ chữ Hán mà chữ-biến ra. Vì có những cái thay đổi như thế, cho nên người Tàu được chữ Việt (ch nôm) không ra, mà người Việt nói thì họ không hiểu được. Tuy nhiên, số n gi viết tiếp, chữ Hán được dùng bên Việt-Nam trong các buổi lu t và trong các đ n-t , ai muốn được b làm quan thì phải học chữ Hán. Vì thế họ có thói bút-đàm được với người Tàu. Nói tóm lại là người Việt dùng hai thứ ngôn-t : tiếng nói hàng ngày của người dân và chữ Hán dùng trong giới nhà nho. Số n-gi đã a

ra nhi u ví-d đ gi i thích ng i Vi t dùng ch Hán, có lúc đ i h n nghĩa, có lúc thì đ c tr i đi thành ra dăm ba t ng khác. Nh th qu là so n-gi đã khá hi u tình tr ng ti ng Vi t.

Sau nh ng nh n-xét chung, thì trình-b y ti ng Vi t. B t đ u là gi ng v âm-h c, thanh-h c và văn-ph m Vi t-Nam. So n-gi vi t th t t -m v các chính-âm, các ph -âm đ u và ph -âm cu i, và v c sáu thanh nh ti ng Đàng Ngoài (tr.III-IX).

Có đ i u đáng chú ý là so n-gi có k ra hai ph -âm đ u là bl và ml, tr c đây v n dùng cho đ n đ u th -k XIX, nh ng trong chính t -v thì không dùng đ n n a, mà thay b ng hai ph -âm tr và l. Còn v văn-ph m thì vi t v n t t (trang IX-XII) và vi t các ph n đ n theo nh văn-ph m Âu-châu. Nh ng bù vào đó thì i có h n hai ch c trang (XIII-XXXIX) v các ph -t đ c bi t Vi t-Nam, dùng đ vi t cho câu văn thêm đ p, hay nói cho đúng ra là đ vi t cho ra ti ng Vi t.

Sau cùng thì có 8 trang (XXXIX-XLVI) d y r t t -m v cách làm th : th l c bát, th Đ ng th t ngôn bát cú, th ngũ ngôn, và v cách làm phú và làm văn t , v i các câu đ i, bi n ng u đúng phép. Nh ng trang này thì vi t b ng ti ng Vi t, vì th c ra n u không thông th o ti ng Vi t thì khó mà lãnh h i đ c. T t c đ u có nh ng bài m u đ c đ ch ra ti ng La-tinh. Đ c-gi có th căn-c vào đó mà hi u đ c nh ng cái đ c-s c t -nh c a ti ng Vi t.

## 22- Ph n chính.

Ph n chính c a cu n t -v g m 620 trang, m i trang chia ra làm 2 c t. Các ch trong t -v đ c x p theo th -t A, B, C c a m u-t La-tinh, nh ng m i t -ng đ u đ c vi t b ng ch nôm tr c, vi t theo m u-t La-tinh sau, r i đ ch nghĩa ra ti ng La-tinh. Ti p sau đó thì chưa thêm nh ng ki u nói b t đ u b ng ch đó. Cũng nên chú ý r ng các sách nôm c a ng i công-giáo Vi t-Nam trong g n b n th -k , đ u g i ch nôm là qu-c-ng , đ phân bi t nó v i ch Hán là ch vi t c a ng i Tàu. G n đây chúng ta m i g i ch vi t theo m u-t La-tinh là ch qu-c-ng .

C theo lý mà xét, thì t -v này ph i n ng v ti ng Đàng Trong, vì c hai giám-m c Pigneau (Bá-Đa-L c) và Taberd đ u đã ho t-đ ng Đàng Trong, và h n n a, cu n Thánh Giáo Y u Lý

Qu c Ng (1774) viết theo m u-t La-tinh c a giám-m c Bá-Đa-L c cũng viết theo tiếng Đàng Trong, ví-d : nh n, ch không viết nhân. Tuy vậy tiếng Đàng Ngoài cũng xuất-hi n khá nhi u trong t -v đó, ví-d : đ c thay vì đ ng, vào thay vì vô. Cho nên có thể đoán rằng có ng i Đàng Ngoài c ng tác vào đó.

Ai muốn tra t -v theo ki u Tàu, nghĩa là theo th -t các b ch và theo s nét viết, thì có thể tìm trong nh ng trang 661-712. Đ c bi t nh t là trong nh ng trang 713-719 có m t b ng đ ch cho bi t nh ng ch Hán g m nhi u b ph c t p thì ph i tìm theo b nào.

Ngoài nh ng t -ng thông th ng trong nh ng trang trên đây, i có 40 trang (621-660) dành cho nh ng t -ng chuyên-môn v th c-v t-h c, v cây-c i, hoa qu , rau c Đàng Trong (Hortus floridus Cocincinae). Nh ta bi t, phép phân-lo i, dùng trong th c-v t-h c, và sau này dùng trong đ ng-v t-h c, đã đ c đ nh-hình do Carl von Linné (1707-1778), đ t tiêu- chu n khoa-h c đ th ng-nh t cách chia lo i trên lo i đ i, chia h ng trên h ng đ i, đ ng th i dùng tiếng La-tinh, ch không dùng t -ng th ng-nh t c a h c-gi các n c khác nhau, đ th ng-nh t cách g i tên các lo i th o-m c. Cho nên ch có ng i am-t ng khoa th c-v t-h c m i bi t nhi u tên b ng tiếng La-tinh nh th . Đây là m t truy n tình-c : năm 1972 tôi có đ a m t cây rau răm cho m t giáo-s đ ng-nghi p, ng i B , d y th c-v t-h c đ i-h c Kinshasa (Congo), nh x p lo i và g i tên khoa-h c; sau khi khám nghi m, ông ta x p nó vào lo i polygonaceae, và g i tên nó là polygonum (verisimile) odoratum Loureiro; b y gi tra t -v Taberd, xuất-b n năm 1838, tôi th y đã g i tên nó là Polygonum odoratum. Th m i bi t số n-gi không ph i là nh ng ng i vô-h c. Thi t t ng các nhà th c-v t-h c n c ta cũng nên so sánh cách g i tên th o-m c bên ta và tên các v thu c b c trong t -v đó v i các tên dùng trong khoa-h c ngày nay xem sao.

Sau cùng còn m t ph n ph -l c dành cho nh ng t -ng Hán-Vi t (ch Hán đ c theo đ ng Vi t), v a x p theo th -t c a m u-t La-tinh (trang 1-107), v a x p theo b ch Hán (trang 108-126). Các trang, nh ta th y, đ c ghi i t 1 đ n 126, nh là m t cu n sách m i.

Nh th cũng đ th y là t -v Taberd th t là tiếng i: tra c u theo ch Hán, ch Nôm hay ch qu c-ng đ u đ c đ -dàng c . Dĩ nhiên viết biên số n này là m t công trình r t có ph ng-pháp, và t n nhi u công phu. N u không tha thi t v i tiếng Vi t, v i ch nô m, thì ch c không ai làm. Và h n n a, n u không có nhi u ng i cùng làm chung thì không ai m t mình mà làm n i.

**3- T -v và n n qu c-h c.**

□

**31- V n-d qu c-h c.**

Xét cho cùng thì có lẽ n n qu c-h c của người Việt đã không phát-triển theo cùng một nhịp với truy n-th ng qu c-gia và ý-th c dân-t c.

Th c v y, t m y nghìn năm nay, t -tiên người Việt đã có công-lao lập nên truy n-th ng qu c-gia và gây-d ng ý-th c dân-t c. Truy n-th ng và ý-th c y th ng đi đôi với nhau trong mối tình liên-đ và ý muốn đùm-b c lấy nhau của người mình: “b u i th ng l y bí cùng...”. Th nh t là cùng nhau tranh-đ u với người ngo i-bang để dành lấy cho mình một lãnh-th làm đ t s ng. Th hai là nhau góp k -ni m và nh ng người đã có công b o-v và bành-tr ng non sông, rồi viết thành qu c-s , có tính-cách th ng-nh t và liên-t c trong th i-gian. Ba là nhìn nh n là của mình t t c nh ng gì có liên-quan đ n môi-tr ng sinh-ho t, nh đ t-đai, sông núi, th -s n, thành-quách, đ n chùa, th n-linh và các nhân-v t có ti ng: cái ý-đ nh y đ a t i vi c biên-so n nh ng sách nh Đ i Nam Nh t Th ng Chí, v.v. Bốn là nh n-đ nh v i i t -ch c đ i s ng chung, nh hành-chính, t -pháp, đ n-l , phong-t c. Về đ i m này ta không thi u gì sách vở. Thi t t ng ở đây cũng nên k thêm cách-th c phân-ph i ru ng đ t và tài s n trong n c. Về th i tr c thì có t t c ch ng 16.000 quy n đ a-b mà h c-gi Nguy n Đình Đ u đang phiê-d ch, chú gi i và đã b t đ u cho xu t-b n. Xem vào đó ta th y x a kia ru ng đ t đã đ c phân-lo i và phân-ph i nh th nào. Ngày nay cách-th c phân-ph i tài-s n gi a các công-dân cũng i là một tiêu-chu n để đánh giá m c-đ liên-đ i gi a người trong một n c với nhau.

Nhìn vào quá-kh , ai cũng ph i nh n rằng người Việt qu th t là đã s m có truy n-th ng qu c-gia và ý-th c dân-t c. Nh ng có một đ i u làm cho nhi u người th c-m c và bần cãi, đó là cái n i-dung của văn-hóa dân-t c, đó là câu h i: qu c-h c là cái gì? Bốn nghìn năm văn-hi n là th nào?

Th c th , sau khi tách rời ra khỏi đ -qu c Trung-hoa và đ nh v -trí mình ở ph ng nam, người



Việt v n ti p-t c dùng chữ Hán trong sách v v đ m i ngành: hành-chính, t -pháp, qu c-s , đ a-d , đ i n-l , t -t . Ví-d , khi Ph t-giáo truy n vào n c Tàu, thì kinh-đ i n, l -ngghi đ u chuy n sang chữ Hán c ; trái l i, khi truy n vào Việt-Nam, thì không nh ng Kh ng-giáo, Đ o-giáo, mà c Ph t-giáo, trong su t m i m i l m th -k , v n gi kinh-đ i n và l -ngghi b ng chữ Hán, mà không ai l y làm l , tuy ai cũng bi t r ng đ c lên thì ng i dân không hi u. Mãi g n đây ng i ta m i b t đ u phiên đ ch và chú-gi i b ng ti ng Việt. Th m chí khi việt v nh ng s -ki n riêng c a dân Việt, ng i ta cũng việt b ng chữ Hán và coi đó là l đ ng-nhiên, ví-d nh : Việt Đ i n U Linh T p, Lĩnh Nam Chích Quái, v.v. R i chính cái ý-th c dân-t c đ c Lý Th ng Ki t đ a ra ch i v i quân nhà T ng, hình nh cũng đ c tuyên-b b ng chữ Hán: Nam qu c s n hà nam đ c ... Chữ ng l văn-hóa ng i Việt t t c ch là h c l i c a ng i Tàu? T t c đ u ph i nói lên b ng ti ng Tàu m i đ c?

**32-V n-đ ch nôm.**

Ch c h n là vì đã ý-th c đ c cái thi u sót y cho nên trong n c đ c l p thi nhà Trần, hay có l còn s m h n n a, đã có nh ng nhà Nho nghĩ đ n vi c ch -bi n ch Hán đ việt ra ti ng nói c a ng i dân Việt: ch nôm b t đ u thành hình, và ngay thi đó đã có nh ng văn-ki n nh bài văn-t cá s u: “Ng c-ng kia h i mà y có hay...”. Theo nh s -gia Ngô Sĩ Liên thì ng i ta b t đ u làm th phú b ng ti ng Việt vào kho ng đ u th -k XIV. Văn ch ng ch nôm không ph i là không phong-phú, nh ng các nhà Nho v n ti p-t c làm th văn b ng chữ Hán, nhà c m quy n v n ra s c-l nh cai-tr dân b ng chữ Hán, việt qu c-s b ng chữ Hán.

Th c ra ta khó t ng-t ng ra cái khó khăn c a ông cha ta khi đi tìm ch việt cho dân-t c. Cũng nh ng i Nh t và ng i Cao-ly, ng i Việt dùng r t nhi u t -ng Trung-hoa trong ngôn-ng c a mình, có l cũng t i ít là 50%, cho nên khó mà b ch Hán v i l i việt t ng-hình đã quen. Tôi không rõ vì sao trong khi tìm ch việt cho dân-t c, ng i Nh t-b n và ng i Cao-ly đã căn-c vào các nét ch Hán mà sáng ch ra l i việt theo nh cách đ c, ho c là việt thành v n, ho c là việt thành âm, v a đ n-gi n, v a đ c lên ngay đ c. Chính vì không có sáng-ki n nh th cho nên ch nôm c a ta v a quá l -thu c vào ch Hán, l i v a phi n ph c h n ch Hán. Đã th , khi dùng ch Hán, có lúc l y đúng nghĩa ch , có lúc ch l y cách đ c nh ng l i hi u theo nghĩa khác, có lúc l i đ c tr i ra làm d m ba ki u và hi u ra d m ba nghĩa. Giám-m c Taberd trong ph n ch -đ n cũng xác-nh n s -ki n y, và có đ a ra ví-d ch l n nghĩa là s n-so, mà ta có th tùy câu văn mà đ c thêm ra n a là l n, l n, l n, l n! Cho nên ng i ta có đ c “l n” ch nôm, thì cũng không có gì là khó hi u.

Đến trong hoàn-c nh nh th , có nh ng nhà Nho cho r ng “nôm na là cha mách-qué”. Xét m t cách khách-quan, thì cách th c dùng và bi n-đ i ch Hán c a ng i Vi t, cũng không h n không kém gì cách-th c c a ng i Nh t, vì nhi u khi m t ch Hán mà h đ c ra dăm ba ki u tùy câu văn, i đ c ra làm nhi u v n n a. Chính vì nh ng lý-do đó mà ch vi t c a ng i Nh t và ch nôm c a ta r t khó h c, khó h n c ch Hán, Cho nên không đ gì mà n-đ nh cách vi t ch nôm cho có th ng nh t, i vì m t l n a, là ng i vi t ch nôm th ng căn c theo ti ng nói đ a-ph ng c a mình mà sáng ch (Xin xem B ng tra ch nôm th k 17, Ch nôm sau th -k 17 và B ng tra ch nôm mi n Nam c a h c gi Vũ Văn Kính). Nay ta đ hi u vì sao trong lúc ng i Tàu có t -v Khang-Hi, thì ng i Vi t ch a làm ra đ c t -v ch nôm, và có l cũng ít ng i nghĩ đ n vi c vun-tr ng cho ti ng Vi t. C Nguy n Du vi t truy n Kí u cũng nói khiêm t n là đ mua vui m t vài tr ng canh mà thôi. H n n a, sau này khi ch qu c-ng đ c dùng thay ch nôm thì xem ch ng cũng ít ai th ng ti c nó.

**33-T -v ti ng Vi t.**

Khi các giáo-sĩ Âu-châu vào Vi t-Nam truy n giáo, thì h có đem theo m t s sách giáo-lý đã soạn b ng Hán-văn ở Trung-Qu c đ cho các nho sĩ đ c. Nh ng h đã h c ti ng Vi t đ gi ng đ o th ng b ng ti ng Vi t cho dân chúng. Có l vì th mà gi i nho-sĩ cho r ng đó là t -đ o, gi ng cho “ngu phu ngu ph”. Ch nôm khó h c, thì h ch u khó h c, ch không dám coi th ng, càng không dám cho là mách-qué, nh các nho-sĩ ch bi t ch u ph c có ng i Tàu. H th c bi t tôn-tr ng v n li ng ch nôm c a ta cũng nh h đ cao kho tàng Hòa-văn (ch vi t c a ng i Nh t). Khi vi t sách v cho ng i Vi t v nh ng đi u r t tôn-nghiêm nh tôn-giáo, h đã dùng ngay ch nôm (nh trong các tác-ph m c a Girolamo Maiorica), và ng i công-giáo ti p-t c vi t, in và dùng sách ch nôm cho đ n gi a th k XX. Tuy v y h cũng tìm cách vi t ti ng Vi t theo m u-t La-tinh đ cho ng i Âu-châu h c ti ng Vi t cho đ . Th ch vi t y đ c khánh-thành trong sách Phép gi ng tám ngày c a A. de Rhodes cho in t i Roma năm 1651. Chính vì ý-th c đ c r ng ngôn-ng là kho-tàng quý-báu c a văn-hóa dân Vi t, và cũng chính vì mu n dùng ti ng Vi t cho đúng nghĩa, cho đúng văn-pháp, cho nên ngay t th -k XVII, t A. de Rhodes tr đi, nhi u giáo-sĩ Âu-châu đã ra công làm t -v và vi t v ng -h c Vi t-Nam.

Làm t -v t c là làm s t c các t -ng đ c dùng trong m t dân-t c. Ng i ta th ng căn-c vào sách v c a các nhà văn, căn-c vào cách ăn nói c a ng i dân, đ xác-đ nh các ý-nghĩa khác nhau c a t ng -ng . Mu n cho t -v thành ra h u-d ng, thì sau công vi c thu-th p tài-li u nh th , ph i tìm ra cách-th c x p đ t các t -ng cho có th -t , đ ai n y bi t cách tra c u. Các t -v do các giáo-sĩ Âu-châu biên soạn đ u đ c x p đ t theo th -t c a các m u-t La-tinh, nh ng cũng có b ng x p đ t theo th -t các b ch Hán và theo s các nét ch . T -v

Taberd cũng theo qui-t c nh th , cho nên mu n tra-c u ch qu c-ng theo th -t m u-t La-tinh, hay là tra-c u ch nô theo ki u Tàu (theo b ch và s nét ch ) cũng đ c c .

So n-gi có th gi i-h n t -v vào nh ng t -ng thông đ ng mà thôi. Nh ng t -v cũng còn có th b gi i-h n, vì so n-gi ch a sao-l c ra đ c h t m i t -ng , h t m i cách vi t ch nô đã dùng trong các sách nô Vi t-Nam, hay là ch a tìm ra đ c t t c các ý-nghĩa c a t -ng . Cho nên nh ng ng i đi sau th ng l y l i c a ng i đi tr c, và đôi khi cũng căn-c đ c vào các tác-ph m đã có, đ khám phá thêm đ c m t ít t -ng hay ý-nghĩa m i. T -ng đ c vi t vào t -v t c là đ c công-nh n. Cũng nh các t -v khác, t -v Taberd đã ghi l y nh ng t -ng và nh ng ch vi t (ch nô) đã dùng trong m t th i-k , trong m t đ a-ph ng nh t-đ nh. Cái s -tr ng và cái s -đo n c a nó là ch đó.

Xin đ n-c ra đây m t vài ví-d , gi i là đ đ -ng m t vài ph ng-h ng nghiên-c u v ch nô công-giáo: a) có m t s t ng chuyên-môn c a công-giáo, nh : “dòng” (h i nh ng ng i đi tu), “r i” (đ c c u-đ , đ c s ng muôn đ i), “kinh” (l i c u-kh n, “oratio”, ch không ph i là “sách”, nh th nh-tho ng có ng i hi u l m), b) có m t s t -ng chuy n-âm t ti ng La-tinh hay B -đào-nha, nh : “vít-v” (giám-m c, chuy n-âm t ti ng B -đào-nha “bispo”, ch nô thì dùng hai ch Hán “vi t vô”, nh ng ph i đ c là “vít-v”), “pha-pha” (v giáo-tông Roma, cũng gi i là giáo-hoàng, La-tinh và B -đào-nha là “papa”). c) có nh ng ch v n thông đ ng, nh ng l i không có trong t -v nh “Giê-su” là tên v giáo-t (Ch Hán-Vi t là “Gia-tô”, ng i Tàu đ c là “Giê-xu”; vi t ch nô thì dùng hai ch “Chi-thu”, nh ng ph i đ c tr i đi là “Giê-su” thì m i là đúng, ch không đ c là “Chi-thu”, nh đôi khi có ng i đ c sai. d) có nh ng ch nô mà so n-gi ch a tìm ra t t c các cách vi t, nh : ch “r i” (đ c c u-đ , “salus”), thì so n gi ch ghi cách vi t ch “kh u” bên trái ch “l i”[3], ch không ghi cách vi t ch “sinh” bên trái ch “l i”[4], v.v.

**4- V n đ qu c ng .**

**41- Tr l i v n-đ ch qu c-ng .**

Ai cũng bi t r ng ti ng ta khác ti ng Tàu, và khi ng i x a dùng hai ch (nh!) “qu c-âm”, hay là “qu c-ng” [5] là có ý nói đó là ti ng ta ch không ph i là ti ng Tàu, nh ng l i là ti ng ta vi t theo các b ch Hán. Còn cách vi t ti ng ta theo m u-t La-tinh thì x a không có tên gi đ c-bi t. Các giáo-sĩ t o ra nó là t o ra cho h dùng, đ h ghi đ c l y đ ng nói c a ta đ h c cho đ , cũng nh h đã làm nh th v i ti ng Tàu và ti ng Nh t. Nh ng đ ng th i h v n h c

cho k đ c ch Hán, ch Nh t, ch Nôm, khó m y h cũng ch u khó h c. Ch h ch ng có quy n l c gì đ thay đ i ch vi t c a dân t c nào c ; h cũng không h có tham v ng thay đ i gì c .

n c ta, ch Nôm và ch vi t theo m u-t La-tinh đ u là hai i vi t lên đ ng nói c a ti ng ta, vì th cùng là vi t qu c-ng c . Nh ng ch vì m t bi n c l ch-s không có Tầu Nh t, mà tình-tr ng thay đ i nh ta th y ngày nay. S là sau khi chính ph b o-h và thu c-đ a bãi b ch Hán và l y ti ng Pháp thay vào đó làm ngôn-ng hành-chính và văn-hóa, l y ngôn-ng c a ng i b o-h m i đ thay cho ch vi t c a ng i đ o-h cũ, thì ch Hán không còn ph i là con đ ng ti n-thân Vi t-Nam n a [6]. Ch Nôm vì quá tùy-thu c vào ch Hán, i tr c đó cũng ch ng đ c tr ng-d ng nh ch Hán, cho nên cũng theo đó mà lu m đ [7], cho nên ch còn có i vi t theo m u-t La-tinh là đ c g i là qu c-ng mà thôi. Đã th vào đ u th -k XX i có m t s sĩ-phu có tên tu i đ ng ra c -võ cho ch qu c-ng y, vì th y nó ti n l i và đ h c h n ch Nôm [8]. Và h đã thành công. Ngày nay là g n m t th k sau đó, chúng ta đã quá quen dùng ch qu c-ng r i, văn-ch ng c a ti n-nhân h u h t cũng đã chuy n sang ch qu c-ng, r i các sáng tác văn-h c, khoa-h c, th -tín và gi y t hành-chính đ u vi t b ng ch qu c-ng c . Cho nên có l không còn ai ch -tr ng ph i tr v ch Nôm n a: nó th t là th n-tình, nh ng v n còn nhi u khuỷ t-đ m và ch a đ c n-đ nh cho chính-xác.

Th nh ng v n có ng i mu n gây ra v n-đ . Th c v y, có m t vài h c-gi Vi t-Nam đã tung ra quan-ni m là các giáo-sĩ Tây-ph ng đã dùng cách vi t ti ng Vi t theo m u-t La-tinh, v i đ -đ nh đen t i là làm cho ng i Vi t m t g c (g c Hán hay g c Nôm?) đi, đ r i truy n-giáo cho đ [9]. Quan-ni m đó tuy không có b ng ch ng gì c , nh ng đã đ c m t s ng i coi nh là có uy-tín, cho nên chép i mà không phê-bình th c h . Thi t t ng n u ai bi t đ n t -v Taberd, t -v Hu nh T nh C a, và các sách ch nô m, ch Hán c a ng i công-giáo dùng t đ u th k XVII cho đ n gi a th -k XX (có hàng trăm cu n nh th trong văn-kh H i Truy n Giáo N c Ngoài t i Paris, và trong các x đ o Vi t-Nam), thì ch c s ăn nói đ n-đo dè-d t h n. Ngoài ra thì ai cũng bi t là vi c truy n giáo đ c đ -dàng hay là b khó khăn thì là vì nhi u lý-do khác, ch không ph i là vì sách vi t b ng ch nô m hay là ch qu c ng theo m u-t La-tinh [10].

**42- Gi -s không có ch qu c-ng .**

Vì không tránh đ c cái th c m c trên đây, cho nên ta c t m gi -s nh là không có ch

qu c-ng, hay ít ra là gi -s chữ qu c-ng không đợc chính-quy n nào chữ n làm chữ viết chính-th c. Như thế chữ c h n là tình-tr ng văn-hóa n c ta ph i khác b ỹ gi nhi u. Ph i chẳng nh thế là có c -h i ti n-b h n? Hay là v n đ ng i nh cũ? Nh ng n u c đ ng i nh thế thì r t có thể là đ n đ n s đ đ n chữ kh ng ho ng, và cu i cùng thì ph i quy t-đ nh cho rõ m t trong hai ng : m t là Hán-hoá ng i Việt, làm cho h đ n đ n thành ra ng i Tàu, hai là c i-cách và n-đ nh chữ Nôm làm chữ n c ta. Ng tr c thì chữ c không ai mu n, mà ng sau thì chữ a ai làm.

Ti n-b h n? Chữ a chữ c! Vì y đ ng-l c nào mà ti n? Và ti n theo h ng nào? Tuy r ng ta n m trong văn-hóa Tàu, và th ng chữ ch u ph c có ng i Tàu đã đ -h mình tr c, nh ng chữ có m t s t i thi u là nhà Nho bi t chữ Hán, i cũng không có ph ng-ti n đ trao đ i t-t ng r ng rãi v i ng i Tàu ng i Nh t [11]. V i cái t m m t h n h p nh thế, vua tôi nhà Nguy n i còn tâng b c nhau, cho r ng thế chữ Hán c a mình x ng h a v i nhau trong lúc trà đ t u h u i còn hay h n c thế ng i Tàu [12]. Mu n Tàu h n c Tàu, trong khi ng i Tàu và ng i Nh t đang mu n canh-tân, phái ng i sang Tây đ h c i y cái s -tr ng c a bên đó, trong khi nh ng b n đ i u-tr n c a Nguy n Tr ng T mu n canh tân n c nhà thì i b coi khinh.

đây tôi chữ mu n nói đ n đ -ng c a Nguy n Tr ng T v chữ viết c a n c ta. L p-tr ng c a ông đợc trình bày rõ ràng trong đ i u th 4, kho n th 5 c a T c p bát đ i u (Tám vi c c n làm g p), v viết dùng qu c-âm [13]. Có m t đ i u đáng chú ý, mà s gia Tr ng Bá C n đã nêu lên, là: “Nguy n Tr ng T là ng i công giáo. Ông th a bi t r ng chữ qu c ng, theo m u t La tinh, đợc s đ ng ph bi n trong gi i công giáo t th k 17-18, là m t m u t đ n gi n và đ h c h n “chữ Hán qu c âm” nhi u. Nh ng ông đã không đ ngh i y chữ Qu c ng làm chữ viết cho c n c. Có lẽ ông đã gi i thích đ i u đó khi ông nói: “Chữ i n c ta không có ai gi i có thể l p ra m t thế chữ đ viết ti ng ta hay sao? Vì ta dùng chữ Nho đã lâu nên không c n thay đ i t t c, s làm cho ng i ta l tai l m t”. Nguy n Tr ng T cũng đã không nói gì đ n chữ Nôm là m t thế Qu c âm đợc thành hình t th i Phùng H ng (Bá Cái Đ i V ng) th k th 8, và phát tri n v i Hàn Thuyên, Nguy n Sĩ C , Chu Văn An, Đoàn Th Đ i m, Nguy n Du, Nguy n Đình Chi u... Chữ Nôm cũng đợc s đ ng r ng rãi trong gi i công giáo t th k 17-18... Chữ Nôm nói đúng ra cũng còn ph c t p” [14].

Sau khi nêu ra cái tai h i c a i h c khoa c và i văn ch ng chữ i chữ [15], Nguy n Tr ng T đ ngh dùng “chữ Hán qu c âm”, đ i khái nh sau : “Tôi tính qu c âm ta c c chữ ng h n m t v n ti ng, trong đó chữ có i ba ngàn ti ng không thể viết nh chữ Hán. Tr ng h p đó ta dùng nh ng chữ Hán t ng t r i thêm hi p v n vào m t bên mà thôi. Đó g i là “chữ Hán qu c âm” (...) Nh v y ng i h c sau này chữ h c m t chữ thôi, không ph i t n nhi u công phu h c cái ti ng chữ ng ph i Hán chữ ng ph i ta” [16]. V cái ti n i c a chữ Hán qu c âm, ông gi i thích: “Nay ta không có chữ viết riêng mà chữ dùng chữ nho đ viết thay. V phát âm đã không theo đúng gi ng Trung Qu c cũng không ph i ti ng ph thông c a n c ta. Ng i m i h c ph i

thu c m t ch b ng m t l i ph i v n d ng trí nh đ nh nh ng phát âm l tai. Âm v n c a th ch này ch có ai h c m i bi t, không h c thì nghe cũng nh v t nghe s m mà thôi. Th có ph i phí h n m t n a công phu trí óc không? Nay n u h c sách qu c âm, h c sinh ò nhà đ c đàn bà con nít nghe cũng hi u, nh v y tuy không đi h c mà cũng h c đ c. H n n a n u dùng qu c âm thì lúc nh đã có cha m d y, l n lên đi h c ch h c nét vi t mà thôi. Th có ph i gi m b t đ c m t n a công phu không?” [17].

Đ ngh c th c a Nguy n Tr ng T là nh sau: “V y xin dùng ch Hán làm m u, l a âm c a ch nào h p v i âm ti ng ta, nh t đ nh không thay đ i thì đ c nh ti ng ta không c n gi i nghĩa. Ch nào có âm g n gi ng ti ng ta thì thêm nét ph vào r i đ c ra ti ng ta. Ngoài ra g p h t ti ng ta l i chia thành môn lo i, làm t đ i n, tr c tiên ban hành trong các c quan chính quy n và tr ng h c cho ng i h c đ dàng s d ng (...) Còn các nhà văn ai mu n dùng ch Hán theo âm n o tùy ý nh ng trong công vi c làm thì ph i dùng th ch Tri u đình đã ban hành. (...) Bâ y gi ta c l y ch Hán chuy n đ c ra qu c âm, không c n h c nghĩa, th cũng v n dùng ch Hán có gì mà không đ c? Thí d nh ch “Th c ph n” thì đ c là “ăn c m”, ho c vi t ch “ăn c m” thay ch “Th c ph n”.” [18].

Thi t t ng không c n dài dòng v v n đ đó, vì tuy đ ngh có lý s rõ ràng, nh ng nh ng ng i đ c đ c thì l i không mu n theo, và dù có ng i mu n theo, nh ng cũng ch a ai làm c . R t có th là đ ngh đó cũng ch là “mách qu” đ i v i nh ng ng i tr ng Nho nh vua tô i nhà Nguy n. Tuy th thi t t ng cũng nên nh c l i r ng cách-th c đó đã sinh ra “ch Hán qu c âm” c a ng i Nh t-b n: thí d h vi t ch “nhân” (ng i) r i đ c ra ti ng Nh t là “hito” hay đ c theo âm Hán là “jin”, vi t ch “m c” (cây) r i đ c ra ti ng Nh t là “ki” hay đ c theo âm Hán là “moku”.

Nay ta bi t nh th là r t t n công, nh ng ta cũng t m gi -s là đ ngh c a Nguy n Tr ng T đ c th c hi n. Nh ng nh th cũng v n còn nhi u cái khó-khăn. Th c v y, c ch Hán qu c âm l n ch Nôm đ u là th ch vi t không có cách ghi âm v n theo cách đ c, nh ch vi t c a ng i Cao-ly hay c a ng i Nh t-b n (hiragana, katakana), cho nên khi làm t -v ta ch có th x p th -t theo các b ch Hán. Nh ng n u ta mu n bi t ti ng đ c th này ph i vi t làm sao, thì v n đ th t là nan gi i. Cái khó khăn này thì ngày nay ta gi i quy t đ c m t cách đ dàng nh cách vi t ch qu c ng theo m u-t La-tinh.

**43- Chữ qu c-ng và chữ Nôm.**

Chữ Nôm và chữ quắc-ngũ là hai loại viết tiếng Việt, một loại theo mẫu ngữ pháp của Tàu, một loại theo mẫu ngữ pháp của Tây. Thế nhưng cũng không phải ngữ pháp của Tây sáng chữ ra loại viết theo mẫu ngữ pháp của họ, nhưng họ cũng là họ của người miền Trung-Đông thì Thế ngữ-cổ. Và hiện nay cũng có nhiều dân tộc trên thế-giới dùng loại viết theo mẫu ngữ pháp của họ.

Chữ Nôm đã “vang bóng một thời”, nó kết tinh nội-lực của ông cha ta trong mẫu ngữ pháp của họ -kết cấu thi-tập mẫu văn-hóa Việt-Nam có bản-sắc riêng, tuy có chịu ảnh hưởng của văn-hóa người Hán tộc, nhưng họ vẫn có vẻn vẹn “đi ăn riêng”, nhưng còn gặp nhiều khó khăn. Chữ quắc-ngũ là do ảnh hưởng của người Âu-châu, nhưng đã giúp cho người mình thế-cửu-nhất cái ý muốn được lập đó.

Ngày nay ta không dùng chữ Nôm trong đời sống thường nhật, và cũng không thấy có đâu nào nói lên rằng dân ta muốn trở lại dùng chữ Nôm, vì thế nhưng cũng có nhiều cái bất tiện, loại văn công, văn của, văn thì giờ. Tuy vậy đó vẫn là kho tàng văn-hóa không thể bỏ qua, mà trái lại của nó được bảo tồn. Đó là chương trình của Viện Nghiên Cứu Hán-Nôm và của cơ quan “Vietnamese Nôm Preservation Foundation”. Trong việc sưu tầm sách về chữ Nôm thì hiện nay, xem chữ họ còn ít người biết và để ý đến sách Nôm do người công-giáo đã biên soạn trong họ ba thế-kỷ. Điều quan-trọng của sách này là để chữ nó cho ta biết khi biết được từ-p-xúc và từ-từ ngữ người Âu, thì các ý-niệm và quan-niệm của Tây phương được chuyển sang tiếng Việt như thế nào.

Như đã nói trên đây, T-v Taberd, cũng như T-v của Pigneaux de Béhaine, có cái sáng-kiến hay của nó, là vẫn có để chiểu chữ quắc-ngũ với chữ Nôm, vẫn có cách thức thu thập từ điển chuyển từ loại chữ này sang loại chữ kia. Vì xếp theo thế-từ các mẫu ngữ pháp Latinh, nên ta biết được thế này thì phải viết làm sao. Ngữ pháp của họ, mẫu biết chữ viết thế này phải được làm sao, thì đã có bằng xếp các chữ theo các bộ chữ Hán. Cho nên từ sau đó các T-v chữ Nôm được tập hợp như cái sáng-kiến này.

T-v Taberd đã góp phần vào việc định hình cho chữ quắc-ngũ ta dùng bây giờ, và còn giúp ta trong việc nghiên-cứu chữ Nôm. Cho nên nó đáng được một chỗ đứng trong lịch-sử phát-triển văn-hóa Việt-Nam.

Lambersart, ngày 03/06/2004'

-----  
[1] Vocaburarium Annamitico-Latinum par Mgr Pierre Pigneaux de Béhaine, membre des Missions Étrangères de Paris, évêque d'Adran, vicaire apostolique de Cochinchine, Cambodge et Ciampa. Sách đợc ghi i-thi u như sau : "Cuốn t-v vi t tay này đợc y 729 trang, kh A3, là sách đợc u tiên trong lợc ch-s Việt-Nam trình-b y c hai lợc i ch , ch Nôm và ch quặc ng vi t theo m u-t La-tinh, và đợc ch sang ti ng La-tinh. Sách đợc biên so n trong nh ng năm 1772 và 1773, do Pierre Pigneaux de Béhaine, trong khi ph i lợc u đày t i Pondichéry, v i s giúp đợc c a tám ng i Đàng Trong".

[2] T nh-lợc c a t nh Qu ng-đông là thành-ph Qu ng-châu. Nh ng ng i Âu-châu trợc đợc đây có thói quen, khi nói đợc n t nh Qu ng-đông hay là nói đợc n thành ph Qu ng-châu, thì đợc u dùng m t ch "Canton".

[3] Theo nhợc cách vi t c a Pierre Pigneaux de Béhaine (Bá Đa Lợc) trong Thánh Giáo Y u Lý Qu c Ng (1774).

[4] Theo cách vi t trong sách Phép dòng ch em m n câu rút (= th p-t-giá) Đợc Chúa Giê-su (1869).

[5] Nhợc trong sách giáo-lý c a Bá Đa Lợc đợc n trên đây.

[6] Nhợc ông Tú Xợc ng tợc trào: "Nào có làm chi cái ch Nho, Ông nghề ông cợc ng cũng n m co, ợc gì đợc hợc làm thày phán, Tợc i rợc u sâm-banh sáng s a bờ".



[7] Th c ra chữ Nôm v n còn đ c dùng, song song v i chữ qu c-ng , trong sách v ng i công-giáo, và c trong m t s gi y t hành chính trong th i b o-h , nh gi y giá-thú, gi y khai-sinh, cho đ n gi a th -k XX.

[8] Nh đã nói tr c đây, chữ Nôm không vi t lên cách đ c chính xác, cho nên m t ch , nh ch “l n” có th đ c thành năm đ ng, r i m t ti ng nói lên có th vi t thành dăm ba ch , h n a l i cũng ch a có uy-quy n nào n-đ nh cách vi t cho có th ng nh t trong n c.

[9] V dĩ m này, xin đ c l i phân tr n đ y đ và đáo lý c a H ng Nhu trong sách Công trình nghiên c u ti ng Vi t c a m t ng i Th y sĩ K Ch Đàng Ngoài, Onufre Borgès 1614-1664 (Góp ý v i Roland Jacques v công trình nghiên c u ti ng Vi t c a m y ng i B tiên phong cho t i 1650), Paris, 1996, Ch ng 1, v “S vi c ch qu c ng theo ông Lê Thành Kh i”, trang 9-21.

[10] L i có h c-gi cho r ng ch nôm do ng i Công giáo vi t không ph i là ch nôm đích-th c. Xin th a hai đ i u : m t là : ph i có c -quan nào, nh hàn-lâm-vi n hay là nhà c m quy n chính-th c n-đ nh tr c đã thì m i nói đ c cái gì là đích-th c; hai là: tr ra m t s ch m i thì ng i Công giáo dùng ch nôm nh ng i đ ng th i, cho nên n u ph i lo i tr t c nh ng ch do h dùng, thì cũng ph i lo i t t c nh ng ch ghi trong t -v Taberd, nghĩa là h u h t thi văn ch nôm trong văn ch ng Vi t-Nam.

[11] Theo nh s -gia Nh t-b n Yoshiharu Tsuboi (Bình T nh Thi n Minh), trong sách N c Đ i Nam đ i di n v i Pháp và Trung Hoa (1847-1885), (b n d ch t Pháp văn do Nguy n Đình Đ u, TP H Chí Minh, 1990) có ý ki n r ng ng i Vi t-Nam, trái h n l i v i ng i Nh t (không b ng i Hán đô-h ), đã bám quá ch t vào văn-hóa Trung-hoa, cho nên thi u t -do c i m đ i v i th gi i bên ngoài.

[12] “Văn nh Siêu Quát vô ti n Hán, Thi đáo Tùng Tuy th t th nh Đ ng” (tôi ti c là không còn nh ai đã th t ra hai câu nh th ).

[13] Xem: Tr ng Bá C n, Nguy n Tr ng T - Con ng i và di-th o, Nhà XB TP H Chí Minh, 1988, tr 254-257. Cũng xem l i bàn c a tác gi TBC, tr 77-78.

[14] Sách đã dẫn, tr 77. Về cái ph c t p c a ch Nôm, xin xem chú gi i s 7 tr c đây.

[15] “Ngày nay n c ta nh ng k thông minh lanh l i đ u đua nhau h c ch , không l p công đ ng nghi p nhân lúc thanh niên c ng trắng, mà ch vùi đ u đèn sách h t năm này sang năm khác. Ph i chă ng h mu n tr thành ng i Trung qu c? Th mà đem nói v i ng i Tàu, ng i Tàu ch ng nghe, nói v i dân ngu, dân ngu ch ng hi u. M t t trát đ a xu ng, k hi u th này, ng i hi u th khác. M t ch trong lu t, k nói t i nh , ng i nói t i n ng. Đ n t án l nh thì b n th y ki n và quan tòa qu quy t l t ng c l t xuôi. S tình khai báo trong dân gian thì tráo tr thiên bi n v n hóa. Công vi c ch t ch ng ph n nhi u b bóp tròn bóp méo không t rõ đ c s th c. Thông cáo y t th c a nhà n c truy n xu ng ph i qua ng i bi t ch đ c và đ ch l i cho dân, nh ng ph n nhi u vi n đ n th t thi t, gi ng nghĩa không rõ khi n dân th ng không hi u h t, ý chí c a tri u đ ình b xuyên t c. Th m chí có ng i vi t cái gì cho ai b ng qu c âm thì b khinh th ng. Làm th y thu c mà xem qu c ng thì b cho là t m th òng. Nói ti ng m đ mà không xen ch nho vào thì b cho là quê mùa. Ngoài ra l i còn có m t th v n t chuyên dùng nh ng ch hi m học c u k c t đ cho ng i đ c không hi u, nghe không ra. Th m i cho là k di u tuy t v i. Ph i làm sao cho nhi u tay cao ki n hay ch , gi ng gi i b t b đ n n i m t ch ra hàng trăm nghĩa, ý t ng l p l n c đôi không tài nào quy t đ nh đ c, th m i là tay c phách trong làng văn !” (Sách đã dẫn, tr 255).

[16] Sđđ, tr 256.

[17] Sđđ, tr 255.

[18] Sđđ, tr 256.